

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2019

Về việc: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Đình Huy

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đặng Ngọc Hương

2. Ông Lê Xuân Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C, tỉnh Khánh Hòa** tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 3 năm 2019, về: “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Lộc, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm: 1983

Nơi cư trú: Tổ dân phố Phú Lộc, phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2019, bản tự khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim H trình bày: Chị và anh Nguyễn T có thời gian tìm hiểu nhau được 5 năm và tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, đến năm 2011 chúng tôi mới đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2011, quyển số 01/2010, cấp ngày 07/11/2011.

Trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc

nhưng đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T quan hệ ngoại tình sống chung với người phụ nữ khác bên ngoài không chăm lo quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần tha thứ, khuyên nhủ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Như Q, sinh ngày 09/09/2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Chị làm nhân viên kế toán mỗi tháng thu nhập 5.500.000 đồng hiện tại đủ khả năng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không nợ ai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để tham gia hòa giải và xét xử là vi phạm quyền và nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Như Q cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận; Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về nợ chung: Không có; Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, trừ vào tiền tạm ứng án phí.

Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án:

Giấy chứng nhận kết hôn.

Giấy khai sinh Nguyễn Hoàng Như Quỳnh.

Chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị Kim H, Nguyễn T.

Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Nguyễn T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Nguyễn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[1.2] Chị Nguyễn Thị Kim H yêu cầu ly hôn anh Nguyễn T. Yêu cầu của chị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị H và anh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được UBND phường Cam Phú, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2011, quyển số 01/2010, cấp ngày 07/11/2011. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau nhưng đến năm 2018 thì giữa chị H và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng thiếu trách nhiệm vun đắp gia đình, dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng không còn chung sống với nhau đã hơn 1 năm không còn quan tâm nhau, chị H xác định tình cảm hiện nay với anh T không còn nữa. Mặt khác từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đến nay, anh T không đến tòa để tham gia hòa giải, xét xử, trình bày ý kiến và không có biện pháp để cải thiện, hàn gắn mối quan hệ vợ chồng, điều đó chứng tỏ anh thờ ơ, bỏ mặc quan hệ hôn nhân giữa anh và chị H.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị H yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Như Q, sinh ngày 09/09/2011. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét: Việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Mặt khác, cháu Nguyễn Hoàng Như Q hiện nay còn nhỏ, lại là nữ cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ và chị H có nghề nghiệp, thu nhập hiện tại ổn định đủ khả năng nuôi cháu Q. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc chị H yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Như Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, chị H và anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

[2.3] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Kim H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim H.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Kim H được ly hôn anh Nguyễn T.

2. *Về con chung:* Chị Nguyễn Thị Kim H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Như Q, sinh ngày 09/09/2011.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị H về việc tạm thời anh T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, chị Nguyễn Thị Kim H và anh Nguyễn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con; không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* Chị Nguyễn Thị Kim H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Kim H nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về “ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0000329 ngày 26/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C. Chị Nguyễn Thị Kim H đã nộp đủ.

Chị Nguyễn Thị Kim H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Anh Nguyễn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND thành phố C
- Chi cục THADS thành phố C
- Các đương sự
- UBND phường Cam Phú
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Huy